

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 4 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Nghiệp
2. Bà Nguyễn Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Mùi K, sinh ngày 27/8/1997; Nơi đăng ký thường trú: xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: thôn T, xã M, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lý Tồn S, sinh ngày 25/9/1998; Nơi cư trú: xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2026, bản tự khai ngày 30/3/2026 và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Hoàng Mùi K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Tồn S được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2014, đến ngày 9/8/2019 anh chị tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu chị và anh S

chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S uống rượu dẫn đến xô xát với chị, xúc phạm danh dự của chị, đuổi chị về bên nhà bố mẹ đẻ của chị. Năm 2018, anh S có đến nhà bố mẹ đẻ của chị để xin lỗi và đón chị về cùng sinh sống, nhưng đến năm 2021 anh chị vẫn xảy ra mâu thuẫn nên chị đã ly thân với anh S từ đó đến nay. Nay xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lý Tồn S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là: Lý Tồn P, sinh ngày 02/11/2014 và Lý Tồn C, sinh ngày 06/3/2019. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng, trường hợp anh S có yêu cầu nuôi con chị đồng ý.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Lý Tồn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai được và làm việc được.

Ngày 05/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng đã xác minh tại địa phương, kết quả, Ủy ban nhân dân xã H cho biết: Chị K và anh S đều có đăng ký thường trú tại xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 9/8/2019; chị K đi làm công nhân cho công ty tại thôn T, xã M, thành phố Hải Phòng, anh S đi làm phụ xe tuyến Bảo L – M, có thỉnh thoảng về nhà. Anh S có biết việc chị K làm đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng nhưng anh S không có ý kiến gì, quá trình sinh sống tại địa phương, anh S không chịu khó lao động, có uống rượu, xô xát với chị K nên chị K đã bỏ đi làm. Năm 2025, chị K có đề nghị xóm hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh S và gia đình anh S không hợp tác để xóm hoà giải. Anh S và chị K đã ly thân được khoảng 05 năm. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị K theo quy định của pháp luật; Về con chung: Anh S và chị K có 02 con chung là: Lý Tồn P, sinh ngày 02/11/2014 và Lý Tồn C, sinh ngày 06/3/2019. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng anh S, mẹ đẻ của anh S và bố dượng của anh S nhưng bố mẹ của anh S sức khoẻ giảm sút, kinh tế gia đình không ổn định. Trường hợp chị K và anh S ly hôn thì nên giao mỗi người nuôi một cháu.

Ngày 11/3/2026, Tòa án ghi ý kiến của cháu Lý Tồn P, sinh ngày 02/11/2014, cháu P có nguyện vọng muốn sống với bố nếu bố mẹ ly hôn; ý kiến cháu Lý Tồn C, sinh ngày 06/3/2019, cháu C muốn sống với mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tổng đạt văn

bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyên Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đều đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a, c, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng M Khe được ly hôn anh Lý Tồn S.

Về con chung: Đề nghị giao các cháu Lý Tồn P, sinh ngày 02/11/2014 và Lý Tồn C, sinh ngày 06/3/2019 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Không có, đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Hoàng Mùi K phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với số tiền chị K tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng, chị K đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Mùi K có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Lý Tồn S, anh Lý Tồn S có nơi cư trú tại xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng.

Nguyên đơn Hoàng Mùi K, bị đơn Lý Tồn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn là chị K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; điểm a, b, khoản 1, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Mùi K và anh Lý Tồn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/8/2019 Ủy ban nhân dân xã H, huyện

B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn còn anh S được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc. Toà án căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ tài liệu đã thu thập được để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể, chị K trình bày quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S uống rượu, có xô xát với chị, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Ý kiến trình bày của chị K cũng phù hợp với kết quả xác minh của Toà án tại địa phương vào ngày 05/3/2026, anh S không chịu khó lao động, có uống rượu, xô xát với chị K nên chị K đã bỏ đi làm, vợ chồng có mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh S và gia đình anh S không hợp tác để xóm hoà giải, anh S và chị K đã ly thân được khoảng 05 năm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa anh S và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy sẽ không thể tạo nên một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình; điểm a, c, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, chị K có yêu cầu xin ly hôn với anh S là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị K và anh S có 02 con chung là: Lý Tồn P, sinh ngày 02/11/2014 và Lý Tồn C, sinh ngày 06/3/2019. Chị K có nguyện vọng nuôi cả hai con, anh S không đến Toà án để trình bày ý kiến, do đó Toà án không biết ý kiến của anh S như thế nào về con chung, do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi cả hai con của chị K. Ý kiến của cháu P muốn sống với anh S, ý kiến của địa phương mỗi người nuôi 1 cháu là các ý kiến Toà án tham khảo, xem xét, còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 2, Điều 81; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Lý Tồn P, sinh ngày 02/11/2014 và Lý Tồn C, sinh ngày 06/3/2019 cho đến khi các cháu P, C đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Mùi K không yêu cầu chia tài sản chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng Dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Mùi K phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí

nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lý Tồn S không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận, chị K đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000034 ngày 19/01/2026. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng sự.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, án phí ly hôn đều phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014.

Khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tụng sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Điểm a, c, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Mùi K về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với anh Lý Tồn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Mùi K được ly hôn với anh Lý Tồn S.

2. Về con chung: Giao các cháu Lý Tồn P, sinh ngày 02/11/2014 và Lý Tồn C, sinh ngày 06/3/2019 cho chị Hoàng M Khe trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu P, C đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Mùi K không yêu cầu anh Lý Tồn S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi

đường con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Hoàng Mùi K phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lý Tồn S không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000034 ngày 19/01/2026. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng;
- UBND xã Hưng Đạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Kim

